

Lạm phát cơ bản-từ lý luận đến thực tiễn áp dụng trên thế giới và Việt Nam

NGUYỄN VĂN HIỆU

Trong một vài năm gần đây, lạm phát và các biện pháp kiềm chế lạm phát lại trở thành mối quan tâm của các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách điều hành tiền tệ ở nước ta. Mục tiêu kiểm soát tỷ lệ lạm phát ở dưới mức 6,5% của Quốc hội đặt ra cho năm 2005 đã không hoàn thành (tỷ lệ lạm phát năm 2005 là 8,5%). Thực tế đó cho thấy, để đạt được mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ của năm 2006 (duy trì tỷ lệ lạm phát không vượt quá tốc độ tăng trưởng kinh tế) là nhiệm vụ hoàn toàn không dễ dàng. Vì vậy, vấn đề lạm phát và phương pháp xác định tỷ lệ lạm phát lại được giới nghiên cứu và các nhà điều hành chính sách tiền tệ chú trọng nhiều hơn. Trong một chừng mực nhất định, khái niệm lạm phát và phương pháp xác định tỷ lệ lạm phát vẫn còn những cách hiểu khác nhau. Bài viết này giới thiệu một khái niệm chưa được dùng một cách phổ biến ở Việt Nam nhưng lại được nhiều nước trên thế giới ứng dụng, đó là: lạm phát cơ bản và phương pháp xác định tỷ lệ lạm phát cơ bản.

1. Lạm phát và lạm phát cơ bản

Theo sách giáo khoa về tiền tệ, *lạm phát được coi là hiện tượng giấy bạc lưu thông vượt quá nhu cầu cần thiết làm cho chúng bị mất giá, dẫn đến giá cả của hầu hết hàng hóa trong lưu thông không ngừng tăng lên.*¹

Theo quan điểm của Samuelson: lạm phát có thể xuất phát từ các nguyên nhân cầu kéo (do các cơ sở về nhu cầu hàng hóa tiêu dùng) hoặc chi phí đẩy (do các cơ sở về phía cung), hoặc xuất phát từ những nguyên nhân không ổn định về tâm lý (kỳ vọng) về tình trạng lạm phát có thể xảy ra trong tương lai. Tuy nhiên, theo quan điểm của phái tiền tệ (Friedman) và Keynes thì lạm phát chỉ xuất hiện do nguyên nhân tiền tệ (chính sách tiền

tệ nói lỏng), vì các nguyên nhân “cầu kéo” hoặc “chi phí đẩy” đối với hàng hóa không thể xảy ra lâu dài, thường xuyên mà chỉ có tính chất tạm thời. Sự khác biệt quan trọng về các nguyên nhân gây ra lạm phát cũng đã phân nào cho thấy sự khác biệt về khái niệm lạm phát của hai trường phái nói trên. Trường phái Samuelson cho rằng: giá cả của hàng hóa gia tăng dù là tạm thời cũng có thể coi là có lạm phát, còn trường phái tiền tệ thì cho rằng: chỉ khi mức giá chung tăng lên liên tục trong một quá trình kéo dài có tính quy luật thì mới gọi là lạm phát. Như vậy, lạm phát theo quan điểm của phái tiền tệ là sự gia tăng của mức giá trung bình theo thời gian không tính đến những biến động có tính chất tạm thời. Đây chính là khái niệm về lạm phát cơ bản. Nói khác đi, *lạm phát cơ bản là lạm phát xuất phát từ phía cung tiền tệ được thể hiện bằng chỉ số tăng giá có tính chất quy luật, lâu dài mà không tính đến những cơn sóc về giá có tính chất tạm thời.* Vì loại bỏ đi những yếu tố tăng giá tạm thời nên chỉ số lạm phát cơ bản là một chỉ báo quan trọng của Ngân hàng Trung ương trong việc điều hành chính sách tiền tệ. Nó cho thấy lượng tiền mặt trong lưu thông có phù hợp với giá trị hàng hóa hay không và với mức độ nào. Từ đó mới có thể có những quyết sách đúng đắn trong việc sử dụng chính sách tiền tệ nói lỏng hay thắt chặt.

2. Phương pháp xác định chỉ số lạm phát cơ bản

Nước ta cũng như nhiều nước khác trên thế giới thường lấy chỉ số tăng giá tiêu dùng

Nguyễn Văn Hiệu, TS, Học viện Tài chính.

1. Giáo trình Lý thuyết tiền tệ (GS. Vũ Văn Hoá và PGS. Đinh Văn Hạng chủ biên).

(CPI) làm chỉ số lạm phát. Tuy nhiên, theo như phân tích ở trên, chỉ số tăng giá tiêu dùng nói chung có thể bao hàm trong nó kết quả của những biến động giá có tính chất tạm thời nên nó không phải là chỉ số lạm phát cơ bản. Về nguyên tắc, muốn xác định được chỉ số lạm phát cơ bản phải loại bỏ được những biến động mang tính chất tạm thời hoặc các nhân tố trung gian của chỉ số giá tiêu dùng. Những biến động có tính chất tạm thời liên quan đến giá cả của hàng hóa có thể là:

- Những thay đổi giá cả mang tính chất mùa vụ như sự tăng giá tạm thời của các mặt hàng tiêu dùng nhân dịp Tết nguyên đán (sau dịp Tết, giá cả hàng hóa lại có xu hướng trở về mức cũ).

- Các cơn sốt có tính chất đột biến về phía cung như sự biến động của giá dầu thô, giá phân bón, thuốc trừ sâu...

- Các biến động tạm thời khác như sự thay đổi lãi suất cầm cố...

Những biến động giá mang tính chất trung gian của hàng hóa hoặc nhân tố chủ quan như: sự thay đổi của mức thuế gián thu (do thuế gián thu là bộ phận cấu thành giá cả hàng hóa), sự thay đổi của giá các mặt hàng nhà nước quản lý giá... là những nguyên nhân thuộc yếu tố quản lý có tính trung gian không thuộc về nguyên nhân tiền tệ. Vì vậy, nó cũng cần thiết phải loại bỏ khỏi chỉ số lạm phát cơ bản. Vấn đề là ở chỗ không thể liệt kê và loại bỏ hết được những tác động có tính chất tạm thời và những tác động trung gian trong chỉ số giá tiêu dùng do mức độ quá phong phú của các mặt hàng trên thị trường. Vì thế, về phương pháp luận là phải tìm một chỉ số "gần đúng" nào đó có sai số thấp nhất so với chỉ số lạm phát cơ bản làm cơ sở cho việc điều hành chính sách tiền tệ.

Theo luật số lớn và xu hướng chu kỳ của các hiện tượng kinh tế phát sinh, thì những biến động nhất thời sẽ bị triệt tiêu lẫn nhau xét trong cả thời kỳ dài. Vì thế, về mặt toán học, có thể coi tỷ lệ lạm phát tính toán theo

phương pháp bình quân trượt trung tâm (Central Moving Average - CMA) là tỷ lệ lạm phát cơ bản, vì chỉ số bình quân trượt trung tâm cho phép loại trừ các nhân tố ngẫu nhiên một cách triệt để nhất². Tuy nhiên, CMA có một hạn chế rất cơ bản là không tính được trị số ở kỳ hiện tại; vì chỉ có thể tính được trị số bình quân trượt trung tâm ở kỳ quá khứ cách kỳ hiện tại n kỳ. Cái mà chúng ta cần nhất để phục vụ cho chính sách điều hành tiền tệ là chỉ số ở thời điểm hiện tại chứ không phải là những chỉ số trong quá khứ. Do vậy, vấn đề đặt ra là phải tìm một chỉ số nào đó có giá trị tính toán được ở kỳ hiện tại sai lệch nhỏ nhất so với giá trị bình quân trượt trung tâm ở tất cả các kỳ tính toán trong quá khứ, thay thế cho chỉ số bình quân trượt trung tâm đảm nhiệm trọng trách chỉ số lạm phát cơ bản. Vấn đề còn lại chỉ là những tính toán mang tính chất kỹ thuật.

Với phương pháp luận đã đề cập ở trên, có thể khái quát các bước tính toán xác định tỷ lệ lạm phát cơ bản như sau:

Bước 1: xác định rổ hàng hóa đại diện dùng để tính chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hay còn gọi là tỷ lệ lạm phát chung.

Việc xác định chỉ số giá tiêu dùng của tất cả các loại hàng hóa trên thị trường là không thể thực hiện vì tính đa dạng của chúng và vì sự hạn chế thông tin về giá cả. Do đó, chỉ số CPI chỉ có thể tính toán được trên cơ sở một số hàng hóa nhất định có tính phổ thông, chiếm tỷ trọng đáng kể, có sẵn thông tin về giá và có thể đại diện cho nhóm hàng hóa có công năng tương tự. Như vậy, chỉ số CPI thực chất là chỉ số giá bình quân gia quyền của một rổ hàng hóa đại diện trên thị trường. Mức độ chính xác của CPI hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô của rổ đại diện và tính đại diện của các hàng hóa được chọn

2. Tỷ lệ lạm phát bình quân trượt trung tâm của kỳ t là tỷ lệ lạm phát bình quân của $2n+1$ kỳ (gồm n kỳ trước kỳ t , kỳ t và n kỳ sau kỳ t). Đây được coi là tỷ lệ lạm phát cơ bản của kỳ thứ t . Trị số của n càng lớn thì tỷ lệ càng chính xác.

trong rổ. Nhìn chung, số lượng hàng hóa được chọn đưa vào rổ tính toán càng lớn thì mức độ chính xác càng cao³.

Bước 2: loại trừ các yếu tố mùa vụ, các nhân tố biến động trung gian, tạm thời của những hàng hóa được chọn vào rổ đại diện để đảm bảo tính khách quan khi xác định chỉ số lạm phát.

Bước 3: kiểm định dãy số liệu chỉ số giá của các nhóm hàng hóa trong rổ đại diện xem có phân phối chuẩn hay không. Nếu dãy số liệu có phân phối chuẩn thì CPI của rổ đại diện được coi là tỷ lệ lạm phát cơ bản. Nếu dãy số liệu phân phối không chuẩn thì tiếp tục thực hiện các bước công việc tiếp sau.

Bước 4: xác định xu thế chung của lạm phát bằng cách tính chỉ số lạm phát CMA (chỉ số bình quân trượt trung tâm) theo công thức sau:

$$\prod^{CMA}_t = \frac{1}{2n+1} \times \sum_{i=-n}^n \prod_{t+i}$$

Trong đó:

\prod^{CMA}_t : chỉ số lạm phát CMA ở kỳ t

t: thời điểm tính toán

i: kỳ trước và sau thời điểm tính toán

n: số kỳ sau kỳ tính toán tương lai

-n: số kỳ lùi về trước kỳ tính toán

Bước 5: tính toán 5 loại chỉ số CPI cơ bản sau khi thực hiện một số kỹ thuật tính toán như sau:

- Loại bỏ trực tiếp một số mặt hàng trong rổ đại diện: một số mặt hàng đã được chọn vào rổ đại diện có những biến động tạm thời nhưng lại xảy ra thường xuyên trong cả thời kỳ tính toán như: năng lượng, lương thực, thực phẩm... Thực chất của việc làm này là tĩa bỏ kỹ hơn những biến động có tính chất tạm thời về giá của những mặt hàng trong rổ đại diện để kỳ vọng chỉ số CPI tiến gần hơn tới chỉ số lạm phát cơ bản. Nhược điểm của việc tĩa bỏ này là đã bỏ qua cả những nhân tố biến động lâu dài của các hàng hóa bị tĩa bỏ, đồng thời vẫn chưa triệt tiêu được hết những biến động tạm thời có thể có của những hàng hóa còn lại trong rổ đại diện.

- Loại bỏ các mặt hàng có biến động giá nhiều nhất và ít nhất ở mỗi thời điểm tính toán. Việc này có thể làm theo hai cách sau:

+ Lược bỏ theo nhóm hàng hóa: tại một thời điểm tính toán, sắp xếp chuỗi số liệu về chỉ số giá của nhóm hàng hóa theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần và loại bỏ một tỷ lệ phần trăm của rổ hàng hóa ở mỗi đầu của chuỗi số liệu. Chỉ số thực hiện theo phương pháp lược bỏ này gọi là chỉ số bình quân lược bỏ theo nhóm hàng hóa.

+ Lược bỏ theo trọng số của nhóm hàng hóa: tại mỗi thời điểm, sắp xếp chuỗi số liệu theo thứ tự trọng số tăng dần (hoặc giảm dần) của các nhóm hàng hóa trong rổ đại diện. Sau đó, loại bỏ một tỷ lệ phần trăm nhất định rổ hàng hóa ở hai đầu của chuỗi số liệu (không nhất thiết tỷ lệ loại bỏ ở hai đầu của dãy số liệu phải bằng nhau). Chỉ số thực hiện theo phương pháp này gọi là chỉ số bình quân lược bỏ theo quyền số.

Phương pháp tĩa bỏ hai đầu này cũng có nhược điểm là đôi khi đã loại bỏ cả những biến động lâu dài của các nhóm hàng hóa bị loại bỏ.

- Thay đổi quyền số của các mặt hàng trong rổ: phương pháp này được thực hiện bằng cách gán cho mỗi hàng hóa trong rổ một quyền số mới. Quyền số này được xác định bằng đại lượng nghịch đảo của phương sai (bình phương sai biệt so với giá trị trung bình của chỉ số giá hàng hóa tại các thời điểm tính toán). Cụ thể, quyền số mới của mỗi nhóm (hoặc hàng hóa) thứ i sẽ được xác định như sau:

3. Rổ hàng hóa và dịch vụ để tính CPI của Việt Nam hiện nay có khoảng 400 loại, được chia thành 86 nhóm hàng hóa cấp hai, trong đó nhóm hàng hóa lương thực và thực phẩm chiếm tỷ trọng khoảng 48%. Ở Mỹ, để tính CPI, họ phải điều tra khoảng 80.000 hàng hóa và dịch vụ. Bên cạnh đó, CPI còn có thể tính riêng cho nhóm người tiêu dùng nông thôn, thành thị, công nhân viên chức thành thị. Điều đó cho thấy nếu chỉ dựa vào CPI của Việt Nam để điều hành chính sách tiền tệ thì độ tin cậy rất thấp (theo Nguyễn Hoài Bảo-2005).

$$W_i^r = \frac{\frac{1}{\text{VAR}_i}}{\sum_{i=1}^n \frac{1}{\text{VAR}_i}} = \frac{\frac{1}{\sigma_i^2}}{\sum_{i=1}^n \frac{1}{\sigma_i^2}}$$

Trong đó: W_i^r : quyền số mới của nhóm hàng thứ i . n : số hàng hóa trong rổ CPI.

VAR_i (σ_i^2): phương sai của nhóm hàng thứ i . i : nhóm hàng hóa thứ i .

Với việc thay đổi quyền số này thì những mặt hàng có độ biến động lớn sẽ có quyền số nhỏ và ngược lại. Kỹ thuật thay đổi quyền số này sẽ cho phép điều hoà và triệt tiêu bớt những biến động không mang tính quy luật hoặc những méo mó ngẫu nhiên có thể xảy ra trong dãy số liệu.

- Xác định chỉ số theo "trung vị gia quyền": kỹ thuật này được thực hiện bằng cách dựa trên phân phối của dãy số liệu là kết quả của chỉ số giá nhân với quyền số của các nhóm hàng hóa tại mỗi thời điểm tính toán để xác định trung vị. Chỉ số giá của nhóm hàng hóa trung vị gia quyền được dùng làm chỉ số CPI đại diện để so sánh.

Bước 6: so sánh kết quả của 5 loại chỉ số tính toán theo các kỹ thuật trên với chỉ số bình quân trượt trung tâm (CMA). Chỉ số nào gần nhất với chỉ số CMA thì được coi là chỉ số thay thế cho CMA, nghĩa là chỉ số lạm phát cơ bản. Bằng cách thay thế này chỉ số được chọn sẽ có giá trị tin cậy ở thời điểm hiện tại (thay vì CMA không có giá trị ở thời điểm hiện tại). Do vậy, có thể căn cứ vào chỉ số này làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách điều hành tiền tệ.

3. Xác định lạm phát cơ bản ở một số nước trên thế giới và Việt Nam

Ở một số nước trên thế giới, lạm phát cơ bản đã được sử dụng như một công cụ chính thức phục vụ cho chính sách điều hành tiền tệ trong thời gian gần đây (có người gọi đó là chỉ số phụ sau chỉ số CPI). Phương pháp tính toán chỉ số lạm phát cơ bản ở các nước khác nhau không hoàn toàn giống nhau, song đều dựa trên nguyên tắc loại bỏ những tác động có tính chất tạm thời. Chẳng hạn, chỉ số lạm

phát cơ bản ở Mỹ là chỉ số CPI sau khi đã loại trừ trực tiếp nhóm hàng lương thực và năng lượng. Ở Anh, người ta lấy chỉ số bán lẻ (RPI) loại trừ lãi suất cầm cố để tính chỉ số lạm phát cơ bản. Thái Lan lấy chỉ số CPI loại trừ trực tiếp lương thực tươi sống và năng lượng (tỷ trọng 23%) để tính. Một số nước còn tính toán hai loại chỉ số lạm phát cơ bản: một để công bố chính thức và một để sử dụng nội bộ. Chẳng hạn ở Anh, ngoài chỉ số lạm phát cơ bản RPI loại trừ lãi suất cầm cố dùng để công bố chính thức, người ta còn tính hai chỉ số khác để sử dụng nội bộ là: CPI loại trừ trực tiếp một số mặt hàng biến động lớn nhất (chiếm quyền số khoảng 15%) và chỉ số CPI trung vị gia quyền. Ở Thái Lan, ngoài chỉ số CPI loại trừ trực tiếp lương thực tươi sống và năng lượng, chỉ số CPI loại trừ trực tiếp một số mặt hàng có mức biến động lớn nhất (chiếm quyền số khoảng 10%) làm chỉ số sử dụng nội bộ.

Qua tham khảo cách tính toán chỉ số lạm phát cơ bản ở một số nước trên thế giới thấy rằng, nhìn chung đa số áp dụng phương pháp loại bỏ trực tiếp một số mặt hàng. Tỷ trọng loại bỏ cao nhất trong rổ hàng hóa là khoảng 30%. Một số nước loại bỏ toàn bộ nhóm lương thực để tính toán, nhưng đối với các nước này tỷ trọng của nhóm hàng lương thực trong CPI không quá lớn (chẳng hạn ở Mỹ là 14,4%). Nhiều nước chỉ loại bỏ một số mặt hàng có mức biến động nhiều nhất trong nhóm lương thực. Chẳng hạn Thái Lan, Nhật Bản loại bỏ nhóm hàng lương thực tươi sống, Colombia loại bỏ lương thực nông nghiệp, Philippin loại bỏ gạo, ngô, rau và hoa quả...

Ở Việt Nam, số lượng hàng hóa được đưa vào rổ CPI không nhiều (khoảng 400 mặt hàng), hơn nữa các mặt hàng lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng quá lớn (48%). Vì vậy, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng CPI ở nước ta tăng cao trong thời gian qua không hoàn toàn do tác động của xu hướng tăng giá trên thị trường thế giới hoặc do lạm phát tiền tệ, mà còn do các vấn đề thuộc kỹ thuật tính toán. Phương pháp tính toán CPI dựa vào

công thức Laspeyers sử dụng quyền số cố định không còn phù hợp với tính chất của nền kinh tế mở như hiện nay⁴. Theo sự nhận định của các chuyên gia, nếu chỉ số CPI của Việt Nam loại bỏ nhóm lương thực, thực phẩm thì chỉ số lạm phát trong hai năm vừa qua chỉ ở mức trên dưới 4%. Nếu đúng như vậy thì câu chuyện lạm phát ở nước ta không hoàn toàn đáng lo ngại như mọi người thường nghĩ. Tuy nhiên, điều đó cũng cho thấy có một khoảng cách khá xa giữa chỉ số lạm phát CPI và chỉ số lạm phát thực (lạm phát cơ bản). Vì thế, việc tính chỉ số lạm phát cơ bản ở Việt Nam là một việc làm cần thiết. Đáng tiếc là ở nước ta hiện nay, CPI là chỉ số duy nhất mà Tổng cục Thống kê định kỳ công bố cho công chúng như là một chỉ báo duy nhất về tình hình lạm phát. Như đã phân tích ở trên, chỉ số lạm phát cơ bản mới là chỉ số đo lường xu hướng giá cả tốt nhất và phản ánh đúng tác động của chính sách tiền tệ chứ không phải là CPI. Nhận thức được điều này, thời gian vừa qua, Tổng cục Thống kê phối hợp với Ngân hàng Nhà nước đã lập đề án tính thử chỉ số lạm phát cơ bản. Kết quả tính toán mới chỉ là bước đầu, song đã mở ra triển vọng về việc vận dụng chỉ số này phục vụ cho chính sách điều hành tiền tệ. Xin giới thiệu sơ lược

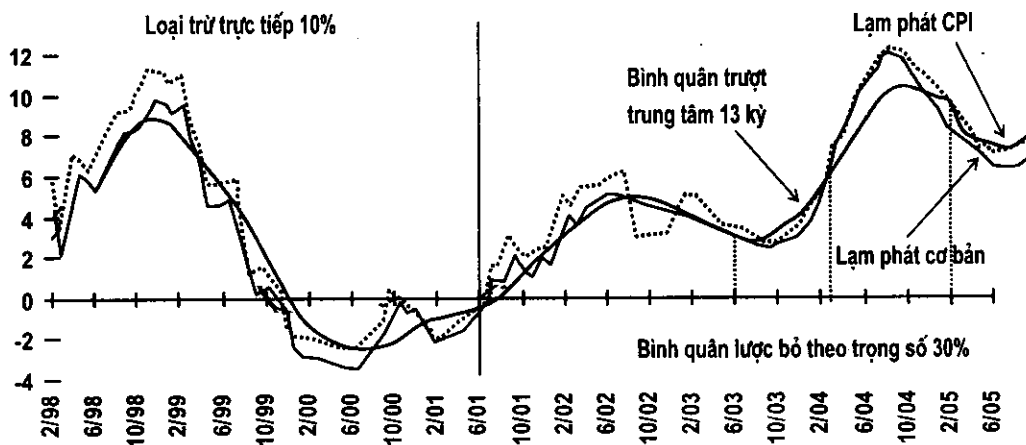
những kết quả tính toán này để bạn đọc tham khảo⁵.

Do sự không đầy đủ về số liệu tính toán nên việc tính thử chỉ có thể thực hiện được trong giai đoạn từ năm 1998 đến nay. Trong thời kỳ này, chỉ số CPI được tính toán theo công thức Laspeyers với 400 mặt hàng, chia thành 86 nhóm hàng hóa cấp 2. Việc tính thử không loại trừ được yếu tố thuế gián thu và giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý vì sự phức tạp của chúng. Chỉ số bình quân trượt trung tâm được thực hiện trong khoảng thời gian 13 tháng (n=6). Vì những lý do kỹ thuật nên việc tính toán các chỉ số so sánh của lạm phát cơ bản được thực hiện trong hai giai đoạn.

Giai đoạn 1: từ năm 1998 đến năm 2001 - chỉ số được chọn (gần nhất so với CMA) là chỉ số CPI loại bỏ trực tiếp các nhóm hàng biến động nhất, chiếm 10% quyền số trong cả giai đoạn. Các nhóm hàng này gồm dầu mỡ ăn, đường kính và một nhóm thóc gạo.

Giai đoạn 2: từ năm 2001 đến năm 2005 - chỉ số được chọn là chỉ số CPI lược bỏ theo quyền số. Tổng quyền số bị loại bỏ chiếm 30%, trong đó 13% thuộc nhóm hàng có chỉ số giá cao nhất và 17% nhóm hàng có chỉ số giá thấp nhất trong mỗi thời điểm tính toán.

Diễn biến lạm phát CPI và lạm phát cơ bản của Việt Nam (% tăng so với cùng kỳ)



4. Xem bài "Chính sách kinh tế đang đẩy giá cả tăng cao?" VNnet(17-9-2005).

5. Tác giả sử dụng tư liệu thuyết trình của Ths Nguyễn Thị Thu - Ngân hàng Trung ương.

Lạm phát cơ bản ...

Kết quả đã cho phép rút ra một số nhận xét ban đầu thể hiện qua số liệu sau:

Năm	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005 ^a
CPI	9,2	0,1	-0,6	0,8	4,0	3,0	9,5	8,5
Lạm phát cơ bản	7,1	0,0	-1,4	2,1	4,0	4,1	9,1	8,6

Nếu tính theo năm thì lạm phát cơ bản hầu như thấp hơn chỉ số CPI trong giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2000, nhưng từ giai đoạn 2001 đến 2003, chỉ số lạm phát cơ bản đã tăng cao hơn lạm phát CPI. Tuy nhiên, xu hướng này có chiều hướng ngược lại (thấp hơn chỉ số CPI) kể từ năm 2004 đến nay (xem diễn biến trên đồ thị).

Như trên đã đề cập, đây chỉ là bước tính thử chỉ số lạm phát cơ bản nên kết quả phụ thuộc vào sự sẵn có và độ tin cậy của số liệu cũng như phương pháp tính toán được lựa chọn. Việc loại bỏ 30% theo quyền số của rổ hàng hóa CPI đã là nhiều, song tỷ trọng của mặt hàng lương thực, thực phẩm trong rổ hàng hóa CPI ở nước ta lại càng lớn hơn (chiếm gần 50%). Hơn nữa, diễn biến giá cả ở nước ta trong những năm gần đây lại quá phức tạp và không loại trừ đã bị ảnh hưởng của nhiều chính sách giá cũng như chính sách điều hành tiền tệ trước đó (do độ trễ) và những nhân tố tác động ở nước ngoài, hoặc tác động hệ lụy của giá vàng và tỷ giá. Do vậy, chưa có cơ sở để khẳng định kết quả tính toán trên là chính xác hoặc cơ bản chính xác. Việc cần làm trong thời gian sắp tới là tiếp tục theo dõi diễn biến chỉ số lạm phát CPI, kết hợp với chỉ số lạm phát cơ bản; so sánh biến động của lạm phát cơ bản với diễn biến tiền tệ và các động thái điều hành chính sách tiền tệ để kiểm nghiệm trong một khoảng thời gian nhất định trước khi chính thức sử dụng và công bố tỷ lệ lạm phát cơ bản.

Tóm lại, lạm phát cơ bản là một khái niệm học thuật có thể ứng dụng trên thực tế bằng những kỹ thuật tính toán cụ thể. Chỉ số này đã được nhiều nước sử dụng là cơ sở để thực hiện chính sách điều hành tiền tệ. Khi nền kinh tế không có những biến động lớn và trong một thời kỳ dài, lạm phát cơ bản có xu hướng gần với chỉ số CPI. Tuy nhiên, khi có những biến động bất thường và có hệ thống, việc phân biệt giữa lạm phát cơ bản và CPI có ý nghĩa thiết thực, vì khi ấy CPI không còn đủ độ tin cậy cho việc hoạch định chính sách tiền tệ. Ở Việt Nam, tuy chưa có những số liệu công bố chính thức về lạm phát cơ bản, song cũng đã có những động thái nhất định của việc sẽ sử dụng và công bố chỉ số này trong tương lai. Hy vọng việc làm này sẽ góp phần tích cực vào việc ổn định chính sách điều hành tiền tệ ở nước ta trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Vũ Văn Hóa, Đinh Văn Hạng (chủ biên), Giáo trình lý thuyết tiền tệ. Nxb Tài chính, 2005.
2. Nguyễn Hoài Bảo: "Câu chuyện lạm phát ở Việt Nam: 2004-2005" Bài viết cho hội thảo hè 2005: Tiếp tục đổi mới kinh tế xã hội để phát triển, tổ chức tại Đà Nẵng, ngày 28-30-7-2005.
3. Hồng Phúc, Báo Vietnamnet, ngày 17-9-2005: Chính sách kinh tế đang đẩy giá cả tăng cao?
4. Nguyễn Thị Thu, Tài liệu thuyết trình tại Viện Nghiên cứu khoa học thị trường giá cả, ngày 17-11-2005.
6. Số liệu đến tháng 4-2005.